

SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Medium

DAKAR EW S3 LEATHER

DAKREWS3LE

Giày bảo h ộ th ế h ệ thứ 2 phần **trên** ớ bằn g **da thoáng khí và** phần **mũi giày an toàn** cự c r ộ n g

DAKAR EW là giày an toàn S3 có phần mũi giày an toàn cự c r ộ n g và phần trên bằn g da thoáng khí. Giày có tính năng ch ố n g tĩnh điệ n , ch ố n g t ấ và nhiên d ầu, có tay cầm thang và mũi giày an toàn. Phù h ợ p môi trường làm việc và ngành công n ghiệ p khác nhau.

Những vật liệu cao cấp hơn ựa điển	Da ng
lót bên trong	i tái chế lướ
trong Đ	ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
iữa đế g	Thép
ngoài Đ	BASF PU/BASF PU
u Đứng đầ	Thép
i Loạ	S3 / SR, SC, LG, FO, CI
Phạm vi kích thước	EU 35-50 / UK 3.0-14.0 / US 3.0-15.0 JPN 21.5-33.0 / KOR 230-330
ng lượng t ẩn thép	0.732 kg
hiêu chu	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2022+A1:2024



BRN



BLK



Mặt **trên** bằng **da thoáng khí** Da tự nhiên [illegible] các ứng dụng linh hoạt



Tay nắm bậc **thang (LG)** Đường viền được xác định đặc biệt [illegible] giày an toàn để tăng thêm độ an toàn khi đứng trên thang.



& nhiên [illegible] ế ngoài có khả năng và nhiên [illegible] dầu.



S3 Giày bảo hộ lao động S3 thích hợp làm việc trong môi [illegible] ẩm hoặc [illegible] Những đôi giày này cũng bảo vệ [illegible] và nghiền nát bàn chân.



[illegible] mũi [illegible] **mài mòn (SC)** Vật liệu che phủ mũi giày đã được thử nghiệm riêng [illegible] vật liệu trên (ví dụ: khi quỳ) và mở rộng [illegible] giày an toàn.



[illegible] **(SR)** [illegible] Chống t [illegible] dây SRA/SRB/SRC. SR có nghĩa là phép thử [illegible] được thực hiện [illegible] dính và phòng và dầ

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp n:

Hoá h ọ c , Xây dự n g, Thự c ph ẩ m & đ ồ Ngành công n g hiệ p , Khai thác m ỏ , Dầu khi

ường: Môi t

rư ờn g ẩm ướt, không bắn g phẳn g, môi khô, môi bùn, Bề mặt cự c mịn

Cac hương dân ba#o tri:

éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phẳng Khôngtrên lò

K

	Sự miêu t ả	EN ISO 20345	ế t ả	đơn vị u	đo l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu đ n g cao cấp h ơn						
	Top: khả năng ấm ớ	? 0.8	68		iờ	mg/cm/g
	Top: h ệ số ớ	? 15	7.8			mg/cm2
ót bên trong	i tái ch ế					
	L ớp lót: ấm ớ	? 2	46.42		iờ	mg/cm/g
	lót: h ệ số ớ	? 20	372			mg/cm2
rong	Đ ệ m chân SJ làm t ừ mút tái ch ế (96% vật l iệu tái ch ế)					
	ệ m chân Đ ộ n g mài mòn (khô/ ướ t) (chu kỳ)	25600/12800	Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles			chu kỳ
goài	Đ BASF PU/BASF PU					
	Ch ỉ số mài mòn (mài mòn)	? 150	50			mm
	Chư ớ ợt bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót, v ề phía t	? 0.31	0.46			ma sát
	rư ợt có ớ bản - G ố m + NaLS - Trư ợt lùi, v ề phía t	? 0.36	0.45			ma sát
	rư ợt SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt gót, phía t	? 0.19	0.35			ma sát
	Chư ớ ợt trư SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt lùi, phía t	? 0.22	0.34			ma sát
	ị ch ố Giá t tĩnh điệ n	0.1 - 1000	50.5			megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100	N/A			megaohm
	Hấp thụ năng l ượ g ót chân ủ	? 20	41			J
Đ ướ n g đầ	Thép					
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A			mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A			mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	20.5			mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	22.0			mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi. Giày dép này có thể thay đổi nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự miêu t ả	ế t ả	đơn vị u	đo l	Đ ờn g q
i CO# hát thả					
	V ật l iệu		11.39		kg
	Bao bì		0.13		kg
	ất Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			13.67 kg CO2/ cặp		

	Sự miêu t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l Tiệ ỷ tái ch ế				
	Product		7%	
	Bao bì		100%	

Tính toán CO2:

ị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.

Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán

SAFETY JOGGER WORKS
HEAD-TO-TOE PROTECTION
ENGINEERED IN EUROPE
www.safetyjogger.com